

**CÔNG TY TNHH TM DV XÂY DỰNG KHOA MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM DV XÂY DỰNG KHOA MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703095473

**3. Ngày thành lập:** 23/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 19/18, Đường ĐT743, Khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0984784814

Fax:

Email: minhkhoa2016@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí  | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                         | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                         | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                    | 4390     |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                    | 4511     |
| 6.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                            | 4512     |
| 7.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | 4620     |
| 8.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                         | 4631     |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm                                                     | 4632     |
| 10. | Bán buôn đồ uống                                                       | 4633     |
| 11. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                   | 4641     |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                     | 4649     |
| 13. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                    | 4651     |
| 14. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                     | 4652     |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                 | 4653     |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                        | 4659     |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                | 4663     |
| 18. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                      | 4669     |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                         | 7410     |
| 20. | Bán buôn tổng hợp                                                      | 4690     |

|     |                                                                                                                                                                                                |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 21. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                 | 4774                                                         |
| 22. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                            | 4784                                                         |
| 23. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                   | 4799                                                         |
| 24. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                              | 4101                                                         |
| 25. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                        | 4102                                                         |
| 26. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                   | 4212                                                         |
| 27. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                            | 4222                                                         |
| 28. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                             | 4223                                                         |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                     | 4299                                                         |
| 30. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                          | 4321                                                         |
| 31. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4751                                                         |
| 32. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                           | 4752(Chính)                                                  |
| 33. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                    | 4753                                                         |
| 34. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                        | 4759                                                         |
| 35. | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: PHAN HỒ MINH KHOA

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/03/1995 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 352335323

Ngày cấp: 28/07/2011 Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang

Địa chỉ thường trú: Ấp Mỹ Long, Xã Mỹ An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Mỹ Long, Xã Mỹ An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHAN HỒ MINH KHOA

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*

Sinh ngày: 13/03/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 352335323

Ngày cấp: 28/07/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh An Giang

Địa chỉ thường trú: *Ấp Mỹ Long, Xã Mỹ An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Ấp Mỹ Long, Xã Mỹ An, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương